

BÀI GIẢNG: TẬP LÀM VĂN
CHUYÊN ĐỀ: TẬP LÀM VĂN
MÔN NGỮ VĂN LỚP 9

1. Phương thức biểu đạt

Phương thức biểu đạt	Nội dung
Tự sự	<p>Tự sự: là dùng ngôn ngữ để kể một chuỗi sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng tạo thành một kết thúc</p> <p>Ví dụ:</p> <p><i>“Một hôm, mẹ Cám đưa cho Tấm và Cám mỗi đĩa một cái giỏ, sai đi bắt tôm, bắt tép và hươ, đĩa nào bắt được đầy giỏ sẽ thưởng cho một cái yếm đỏ. Tấm vốn chăm chỉ, lại sợ dì mắng nên mài miết suốt buổi bắt đầy một giỏ cả tôm lẫn tép. Còn Cám quen được nuông chiều, chỉ ham chơi nên mãi đến chiều chẳng bắt được gì.</i></p>
Miêu tả	<p>Miêu tả: là dùng ngôn ngữ làm cho người nghe, người đọc có thể hình dung được cụ thể sự vật, sự việc như đang hiện ra trước mắt hoặc nhận biết được thế giới nội tâm của con người.</p> <p>Ví dụ:</p> <p><i>“Trăng đang lên. Mặt sông lấp lánh ánh vàng. Núi Trùm Cát đứng sừng sững bên bờ sông thành một khối tím sẫm uy nghi, trầm mặc. Dưới ánh trăng, dòng sông sáng rực lên, những con sóng nhỏ lăn tăn gợn đều mơn man vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát.</i></p>
Biểu cảm	<p>Biểu cảm: Phương thức biểu cảm là dùng ngôn ngữ để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của mình về thế giới xung quanh.</p> <p>Ví dụ:</p> <p style="text-align: center;"><i>Nhớ ai bồi hồi bồi hồi Như đứng đống lửa như ngồi đống than</i></p>
Nghị luận	<p>Nghị luận: là phương thức chủ yếu được dùng để bàn bạc phải trái, đúng sai nhằm bộc lộ rõ chủ kiến, thái độ của người nói, người viết rồi dẫn dắt, thuyết phục người khác đồng tình với ý kiến của mình.</p> <p>Ví dụ:</p> <p><i>“Muốn xây dựng một đất nước giàu mạnh thì phải có nhiều người tài giỏi. Muốn có nhiều người tài giỏi thì học sinh phải ra sức học tập văn hóa và rèn luyện thân thể, bởi vì chỉ có học tập và rèn luyện thì các em mới có thể trở thành những người tài giỏi trong tương lai.</i></p>
Thuyết minh	<p>Thuyết minh: là cung cấp, giới thiệu, giảng giải,...những tri thức về một sự vật, hiện tượng nào đó cho những người cần biết nhưng còn chưa biết.</p> <p>Ví dụ:</p>

“Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa”.

Hành chính – công vụ: là phương thức dùng để giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác trên cơ sở pháp lí.

Ví dụ:

“Điều 5.- Xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính: Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính mà sách nhiễu nhân dân, dung túng, bao che cho cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính, không xử phạt hoặc xử phạt không kịp thời, không đúng mức, xử phạt quá thẩm quyền quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật”.

2. Cách làm các dạng bài nghị luận

2.1. Kỹ năng viết đoạn văn

- Đoạn văn là: đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, cùng biểu thị một nội dung tương đối hoàn chỉnh, các câu văn có sự sắp xếp theo bố cục hợp lí, diễn đạt cùng một nội dung.

- Đoạn văn có:

+ Hình thức: bắt đầu bằng lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng.

+ Nội dung: có câu chủ đề và các câu còn lại triển khai làm rõ/ dẫn đến/triển khai ý câu chủ đề.

+ Phân loại: song hành, móc xích, diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp.

Diễn dịch	Quy nạp	Tổng phân hợp
<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày ý đi từ khái quát đến cụ thể. - Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn. - Các câu còn lại triển khai ý xoay quanh. - Không có kết đoạn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày ý đi từ chi tiết, cụ thể đến khái quát. - Câu chủ đề nằm ở cuối đoạn. - Các câu còn lại triển khai để dẫn đến câu chủ đề. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày ý: tổng kết – phân tích – tổng hợp lại. - Câu chủ đề nằm ở mở đầu và kết đoạn. (câu ở kết đoạn nâng cao hơn câu chủ đề ở đầu đoạn). - Các câu còn lại xoay quanh, làm rõ ý câu chủ đề.

- Cách tạo lập đoạn văn:

+ Đọc, xác định yêu cầu về nội dung, hình thức, tiếng việt (nếu có).

+ Xây dựng câu chủ đề và hình thức triển khai đoạn.

+ Viết đoạn, chú ý yêu cầu về tiếng Việt.

- Câu mở đoạn: Nhắc lại vấn đề.
- Xác định hướng viết:
- ✓ Giải thích: Làm rõ giới hạn của vấn đề.
- ✓ Là gì? Ý chí? Sức mạnh? Được nói trong hoàn cảnh nào? Muốn nhắn gửi gì đến người nghe?

✓ Chứng minh: Khẳng định/ phủ định vấn đề.

Khẳng định đồng ý hay không đồng ý với vấn đề.

Chứng minh bằng lập luận:

Lập luận 1.

Lập luận 2.

✓ Bình luận: Hiểu vấn đề sâu sắc hơn.

Nó có luôn đúng không?

Áp dụng vào thực tế có thể xảy ra chuyện gì?

✓ Liên hệ bản thân mình?

+ Đọc lại và sửa.

2.2. Nghị luận xã hội

- Nghị luận xã hội là phương pháp nghị luận lấy đề tài từ các lĩnh vực xã hội, chính trị, đạo đức làm nội dung bàn bạc làm sáng tỏ cái đúng – sai, tốt - xấu của vấn đề được nêu ra. Từ đó đưa ra một cách hiểu thấu đáo về vấn đề nghị luận cũng như vận dụng nó vào trong đời sống.

- Thông thường sẽ có hai loại chính: Nghị luận về một tư tưởng đạo lí và nghị luận về một hiện tượng xã hội. Ngoài ra còn có nghị luận về một vấn đề xã hội rút ra trong tác phẩm văn học.

- *Dàn ý Nghị luận về một tư tưởng đạo lí:*

+ Giải thích: Từ ngữ, ý kiến.

+ Phân tích, chứng minh:

- Tại sao ý lại như vậy?
- Dẫn chứng làm rõ.

+ Bình luận

+ Bàn luận mở rộng, lật ngược vấn đề nghị luận.

+ Vấn đề đó đang diễn ra trong xã hội như thế nào?

+ Bài học và liên hệ bản thân

+ Từ đó, rút ra bài học cho bản thân và mọi người.

+ Hành động thực tế.

+ Kết thúc vấn đề bằng câu thơ, châm ngôn, khẩu hiệu, danh ngôn tạo ấn tượng.

- *Dàn ý Nghị luận về một hiện tượng đời sống:*

Dạng đề về hiện tượng tiêu cực: Các ý triển khai:

* Giải thích (nếu có)

* Thực trạng: Vấn đề đó đang diễn ra như thế nào?

* Nguyên nhân do đâu và hậu quả để lại?

* Giải pháp thiết thực và bài học.

* Liên hệ bản thân.

Dạng đề về hiện tượng tích cực: Các ý triển khai:

* Giải thích (nếu có).

* Phân tích, chứng minh.

* Bình luận.

* Bài học và liên hệ bản thân.

2.3. Nghị luận văn học

Nghị luận văn học là dạng văn bản dùng để bày tỏ sự cảm thụ tác phẩm văn học theo suy nghĩ của cá nhân, là những lý lẽ để đánh giá, phân tích, bàn bạc về vấn đề thuộc lĩnh vực văn học để khám phá thế giới nội tâm của tác giả, đồng thời tìm ra những giá trị thuyết phục người khác nghe theo quan điểm, ý kiến cá nhân của mình.

Dàn ý khái quát cho bài Nghị luận văn học.

* Phần mở bài

- Cách 1: Giới thiệu tác phẩm, nội dung tác phẩm, vấn đề đề bài yêu cầu.
- Cách 2: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung, vấn đề đề bài yêu cầu.
- Cách 3: Nêu một nhận định về đặc trưng của văn học – gắn với tác phẩm – nêu vấn đề bài yêu cầu.

* Phần thân bài

- Luận điểm 1: nêu rõ luận điểm.
- + Dẫn chứng 1:
 - . nêu dẫn chứng.
 - . phân tích dẫn chứng.
 - . chốt lại đặc sắc nội dung, nghệ thuật.
- + Dẫn chứng 2 (các bước như trên)
- Luận điểm 2+3+....

* Phần kết bài

- Cách 1: Khát quát nội dung, nghệ thuật – nêu ấn tượng sâu sắc.
- Cách 2: Khái quát nội dung, nghệ thuật – nêu giá trị nhận thức, thẩm mỹ, giáo dục của tác phẩm.
- Cách 3: Nêu nhận định – Đặc sắc nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.

3. Một số kiến thức khác

3.1. Đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự

Nội dung	
Đối thoại	Đối thoại là hình thức đối đáp giữa hai hoặc nhiều người. Lời đối thoại được đánh dấu bằng dấu gạch ngang đầu lời thoại Tái tạo giao tiếp bằng lời nói của các nhân vật làm cho câu chuyện thêm sinh động, đồng thời khắc họa tính cách và nội tâm nhân vật.
Độc thoại	Độc thoại là lời thoại được nói tiếng và nói với chính mình hoặc với một ai đó trong tưởng tượng. Lời độc thoại khi được nói thành lời thì nó được đánh dấu bằng dấu gạch ngang đầu lời thoại. Giúp thể hiện đời sống nội tâm của nhân vật.
Độc thoại nội tâm	Độc thoại nội tâm không được nói ra thành lời và không có dấu gạch ngang đầu lời thoại. Giúp đi sâu vào phân tích tâm lí, đời sống nội tâm của nhân vật, bộc lộ tư tưởng, tình cảm, tính cách nhân vật.

3.2. Lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp

Lời dẫn	Nội dung
Lời dẫn trực tiếp	Dẫn trực tiếp là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của nhân vật, người, được, lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép.
Lời dẫn gián tiếp	Dẫn gián tiếp, tức là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật có điều chỉnh cho thích hợp, lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép.

3.3. Liên kết câu và liên kết đoạn văn

Các đoạn văn trong một văn bản cũng như các câu trong một đoạn văn phải liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức.

- Về nội dung :

+ Các đoạn văn phải phục vụ chủ đề chung của văn bản, các câu phải phục vụ chủ đề của đoạn văn (liên kết chủ đề);

+ Các đoạn văn và các câu phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lí (liên kết lô-gíc).

Về hình thức, các câu và các đoạn văn có thể được liên kết với nhau bằng một số biện pháp chính như sau :

- Phép lặp: Lặp lại ở câu đứng sau từ ngữ đã có ở câu trước.
- Phép đồng nghĩa, trái nghĩa và liên tưởng: Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước.
- Phép thế: Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước.
- Phép nối: Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu trước.